

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT HẢI
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2021/HS-ST
Ngày 30-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lưu Văn Năm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Lại

Bà Phạm Thị Hồng Ngân.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Đỗ Đức Đ, sinh ngày 08/12/1995 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Đức H và bà Vũ Thị M; có vợ là Phạm Thị Thu T, sinh năm 1997, có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/3/2021; có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V; địa chỉ trụ sở: xã V, huyện C, thành phố Hải Phòng;

- Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông Tổng Minh C1, sinh năm 1986; nơi cư trú: Phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; chức vụ: Giám đốc khối An ninh, An toàn, Phòng chống cháy nổ; vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Cao Văn C2, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/02/2021, Công an huyện Cát Hải nhận được đơn trình báo của Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V về việc: Bị trộm cắp tài sản 17 pin xe máy điện chưa được bán ra thị trường gồm 12 pin mã V9; 03 pin mã V5; 02 mã Klara thuộc quản lý của phòng kiểm định thiết kế tại nhà máy V địa chỉ: xã V, huyện C, thành phố Hải Phòng. Công ty phát hiện tài khoản mạng xã hội Facebook “Cao Chuyen” giao bán pin xe máy điện trùng với chủng loại pin công ty bị mất trộm ngày 27/01/2021 và đối tượng trộm cắp tài sản là Đỗ Đức Đ trú tại: xã V, huyện C là nhân viên chạy thử nghiệm xe máy điện đã nghỉ việc.

Sau khi nhận được đơn trình báo, Công an huyện Cát Hải đã phối hợp với Phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (PA05) - Công an thành phố Hà Nội xác định tài khoản mạng xã hội Facebook “Cao Chuyen”, chủ tài khoản là Cao Văn C2, sinh năm 1980; trú tại: Thôn P, xã B, huyện T, thành phố Hà Nội, giao bán các loại pin xe máy điện của Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V sản xuất. C2 đã tự nguyện giao nộp 19 quả pin mua từ Đỗ Đức Đ cho Công an thành phố Hà Nội để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 04/02/2021, Đỗ Đức Đ đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Từ tháng 10/2018 đến ngày 24/11/2020, Đỗ Đức Đ là công nhân chạy thử xe máy điện tại Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Vinfast, địa chỉ: xã Văn Phong, huyện Cát Hải. Sau khi nghỉ việc Đại vẫn giữ lại 01 bộ quần áo công nhân và 01 chiếc thẻ giả ra vào nhà máy V (*khi còn làm việc, do sợ mất thẻ nên Đại đã in thêm một chiếc thẻ nhân viên của V để sử dụng*). Khi nghỉ việc, Đại buôn bán các loại pin dùng cho xe máy điện V đã bán ra thị trường theo hình thức mua đi bán lại và có quen Cao Văn C2 ở Hà Nội qua mạng xã hội và đã giao dịch buôn bán pin cũ của xe máy điện. Ngày 25/01/2021, Đại nhắn tin cho C2 hỏi “có mua pin A1, Ludo, V9 không” C2 đồng ý mua.

Ngày 27/01/2021, Đỗ Đức Đ biết được thông tin toàn bộ nhân viên công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V liên hoan tất niên vào buổi tối. Do đã làm việc tại nhà máy nên Đại biết, khi liên hoan sẽ không có ai làm việc ở phòng kiểm định, thiết kế xe máy điện V, vì vậy Đ nảy sinh mục đích trộm cắp tài sản. Khoảng 21h00' cùng ngày, Đ điều khiển xe ô tô Kia Morning BKS: 15A-102.93 (xe mượn của bố Đ) đến khu vực gần nhà ga cáp treo thuộc xã Đ, huyện C, thành phố Hải Phòng. Đ mặc sẵn quần áo công nhân V và đeo thẻ giả ra vào đi bộ qua cổng phụ số 2 của nhà máy V để vào trong công ty. Đ đến gần phòng kiểm định, thiết kế xe máy điện ở tầng 1 phát hiện trong phòng tắt điện, cửa ra vào không khóa, biết không còn ai nên Đ đã lén lút đi vào trong phòng lấy một xe máy điện giả làm nhân viên chạy thử xe. Đ vào phòng điện số 2, trộm cắp 15 quả pin xe máy điện, gồm 12 quả pin loại P1 và 03 quả pin loại A1 (sử dụng cho xe máy điện V9 và V5) tại các vị trí khác nhau trong phòng, tập kết ra góc cửa phòng. Do không thể mang

cùng một lúc số pin ra bên ngoài nhà máy, nên Đại cho lên xe máy điện giả làm nhân viên chạy thử xe để đi ra qua cổng phụ của nhà máy. Trong khoảng thời gian từ 21h30' ngày 27/01/2021 đến 00h00' ngày 28/01/2021, Đỗ Đức Đ đã liên tục dùng xe máy điện chở 06 lần pin ra ngoài, cụ thể: lần 1, lần 2, lần 3 mỗi lần chở 02 quả pin; lần 4, lần 5, lần 6 mỗi lần chở 03 quả pin. Đ chuyển 15 quả pin lên xe ô tô, để lại xe máy điện tại phòng kiểm định, còn 01 bộ quần áo bảo hộ và chiếc thẻ Đ vất tại khu vực ga cáp treo, thuộc xã Đ, huyện C và điều khiển xe ô tô về nhà.

Sáng ngày 28/01/2021, Đỗ Đức Đ đi xe ô tô chở pin lên Hà Nội để bán cho Cao Văn C2 tổng cộng 19 quả pin, trong đó có 15 quả pin Đ trộm cắp vào tối ngày 27/01/2021 tại Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V và 04 quả pin dùng cho loại xe máy điện Klara (pin đã bán ra thị trường), Đ mua của 03 người không quen biết trên mạng. C2 hỏi Đ về nguồn gốc số pin, Đ nói là pin của nhà máy thải ra sau khi đã chạy thử nghiệm và cả hai thỏa thuận 3.500.000 đồng/1 quả pin. C2 nhận pin xong và chuyển khoản cho Đ 66.500.000 đồng, số tiền trên Đ đã sử dụng ăn tiêu hết. Ngoài lần trộm cắp tài sản 15 quả pin vào ngày 27/01/2021, Đ không thực hiện trộm cắp 02 quả pin ký hiệu P1 và A1 theo trình báo của Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải, Cao Văn C2 khai nhận:

Chuyên quen biết với Đỗ Đức Đ qua mạng xã hội, cả hai đã giao dịch và bán xe máy điện và pin cũ với nhau vài lần. Ngày 25/01/2021, Đ nhắn tin trên mạng Zalo cho C2 hỏi “có mua pin A1, Ludo, V9 không”; đến tối ngày 26/01/2021 C2 đồng ý mua. Sáng ngày 28/01/2021, Đỗ Đức Đ đi xe ô tô chở pin lên Hà Nội gặp C2, do thấy nhiều pin nên C2 hỏi Đ về nguồn gốc số pin thì Đ nói là pin thải ra sau khi đã chạy thử nghiệm. C2 nhận thức Đ là nhân viên chạy thử nghiệm xe máy điện tại V nên có pin từ V thải ra (sau khi đã chạy thử nghiệm), sẽ thu gom được pin thải hoặc pin thanh lý của V để bán cho người khác. C2 tin tưởng số pin trên là tài sản của Đ có nguồn gốc rõ ràng nên đồng ý mua 19 quả pin với giá 3.500.000đ/1 quả, tổng cộng là 66.500.000 đồng, C2 đã chuyển khoản cho Đ. Số pin mua được, Cao Văn C2 đã đăng bài bán pin xe máy điện trên tài khoản mạng xã hội Facebook “Cao Chuyen” nhưng chưa bán được. Ngày 03/02/2021, C2 tự nguyện giao nộp 19 quả pin mua của Đỗ Đức Đ cho Phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (PA05) thuộc Công an thành phố Hà Nội.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải đã nhận bàn giao vật chứng vụ án là số pin trên từ Công an thành phố Hà Nội và cho Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V xác định tài sản:

- 15 quả pin xe máy điện Lithium- ion Battery gồm 10 quả P1-A, 02 quả P1-C, 01 quả A1-A; 02 A1-B, đang bị tạm giữ tại cơ quan Công an, được đánh số thứ tự từ 01 đến 15 là tài sản của Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V.

- 04 quả pin xe máy điện gồm 02 quả Lithium-ion Battery và 02 quả ký hiệu Bosch-on Battery, Model: RBLi6022035 Ca-Os2 đang bị tạm giữ tại cơ quan Công

an, được đánh số thứ tự từ 16 đến 19 không phải tài sản của Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V.

Kết luận về giá của tài sản tố tụng hình sự số 06/KL-HDDG ngày 02/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Cát Hải trong tố tụng hình sự kết luận:

- 10 quả pin xe máy điện loại P1-A có giá 32.224.000 đồng.
- 02 quả pin xe máy điện loại P1-C có giá: 11.951.000 đồng.
- 01 quả pin xe máy điện loại A1-A có giá: 9.315.900 đồng.
- 02 quả pin xe máy điện loại A1-B có giá: 32.846.000 đồng.

Tổng cộng giá của 15 quả pin trên là: 86.337.000 đồng (đã làm tròn).

(*Tám mươi sáu triệu, ba trăm ba mươi bảy ngàn đồng*)

Bản Cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 14/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải truy tố bị cáo Đỗ Đức Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo có hành vi đã lén lút chiếm đoạt 15 quả pin xe máy điện gồm 10 quả pin loại P1-A, 02 pin loại P1-C, 01 quả pin loại A1-A, 02 quả pin loại A1-B tại phòng kiểm định, thiết kế xe máy điện thuộc Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V, tổng giá trị tài sản trị giá 86.337.000 đồng. Do đó, Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã đầu thú; bị cáo có ông bà nội được tặng huân, huy chương kháng chiến; tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo có đơn đề nghị xử mức án thấp, được cải tạo ngoài xã hội và được bị hại xác nhận đề nghị pháp luật xem xét, tạo điều kiện cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Đức Đ từ 27 tháng đến 33 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 tháng đến 60 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền do bị cáo không có tài sản riêng, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

- Về xử lý vật chứng vụ án:

15 quả pin xe máy điện gồm 10 quả pin loại P1-A , 02 pin loại P1-C; 01 quả pin loại A1-A; 02 quả pin loại A1-B, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải đã trả lại cho chủ sở hữu Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V;

04 quả pin gồm 02 quả Lithium-Ionbattery và 02 quả ký hiệu Bosch Li-on Battery, Model: RBLi6022035 CA-OS2, qua điều tra xác định không phải là tài

sản của Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V, là tài sản đã được bán ra thị trường được trao đổi buôn bán, nên cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải đã trả lại cho Cao Văn C2.

- Về các vấn đề khác:

Đối với xe ô tô Kia Morning BKS: 15A-102.93 chủ sở hữu xe là ông Đỗ Đức H (bố đẻ của Đ), ông H không biết và tham gia trộm cắp tài sản cùng với Đỗ Đức Đ, nên cơ quan điều tra không tạm giữ xe ô tô trên; 01 bộ quần áo và chiếc thẻ giả ra vào công ty sau khi trộm cắp tài sản, Đ đã vất tại khu vực ga cáp treo thuộc xã Đ, huyện C, Cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

Đối với số tiền bán được tài sản trộm cắp, Đ đã ăn tiêu hết, nên cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải không thu hồi được.

Đối với Cao Văn C2 mua 19 quả pin Đỗ Đức Đ, trong đó có 15 quả pin là tài sản của Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V, do Cao Văn C2 không biết là tài sản do người khác phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải không xử lý.

Đối với 02 quả pin ký hiệu P1 và A1, Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V trình báo bị mất trộm, do chưa xác định được đối tượng trộm cắp tài sản và thu hồi được pin nên Cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải tách hồ sơ khi nào làm rõ sẽ thông báo cho Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V và xử lý sau.

- Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V và Cao Văn C2 đã nhận lại tài sản không yêu cầu Đỗ Đức Đ bồi thường.

Đối với 15 quả pin mua của Đỗ Đức Đ với giá 3.500.000 đồng/1 quả, C2 không biết là tài sản do Đ phạm tội mà có, C2 và Đ đã tự thỏa thuận nên Cao Văn C2 không yêu cầu Đỗ Đức Đ bồi thường.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và luận tội của Viện Kiểm sát. Bị cáo biết hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Đức Đ đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của Cao Văn C2, phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với kết luận định giá tài sản, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Ngày 27/01/2021, Đỗ Đức Đ đã lén lút chiếm đoạt 15 quả pin xe máy điện gồm 10 quả pin loại P1-A, 02 pin loại P1-C, 01 quả pin loại A1-A, 02 quả pin loại A1-B tại phòng kiểm định, thiết kế xe máy điện V, phòng điện số 2 thuộc Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V, tổng giá trị tài sản là 86.337.000 đồng. Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì *"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*

a...

c. Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;". Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt 15 quả pin xe máy điện nêu trên của bị cáo Đỗ Đức Đ có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[3] Bị cáo Đại là người có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà mình thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Công ty được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trong khu vực, tạo dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm để răn đe, trừng trị đối với bị cáo, qua đó nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú; bị cáo có ông bà nội được tặng huân, huy chương kháng chiến; bị cáo có đơn đề nghị xử mức án thấp, được cải tạo ngoài xã hội và được bị hại xác nhận đề nghị pháp luật xem xét, tạo điều kiện cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, thể hiện việc bị cáo không có tiền án, tiền sự; ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn tôn trọng các quy tắc xã hội, chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; không vi phạm các điều mà pháp luật cấm; chưa bao giờ bị kết án, bị xử lý vi phạm hành chính, có nơi cư trú rõ ràng, nhất thời phạm tội và có khả năng tự cải tạo. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đưa ra các chứng cứ buộc tội, các điểm,

khoản, điều của Bộ luật Hình sự và văn bản pháp luật khác, đề nghị áp dụng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp và có căn cứ nên cũng cần xem xét, không nhất thiết phải bắt bị cáo cách ly xã hội mà chỉ cần xử cho bị cáo được hưởng án treo, cũng đủ tác dụng, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung:

[7] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định "*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*" do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản riêng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng vụ án:

[8] 15 quả pin xe máy điện gồm 10 quả pin loại P1-A , 02 pin loại P1-C; 01 quả pin loại A1-A; 02 quả pin loại A1-B, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải đã trả lại cho bị hại là đúng với quy định.

[9] 4 quả pin gồm 02 quả Lithium-Ionbattery và 02 quả ký hiệu Bosch Li-on Battery, Model: RBLi6022035 CA-OS2, qua điều tra xác định không phải là tài sản của bị hại, là tài sản đã được bán ra thị trường được trao đổi buôn bán, nên cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải đã trả lại cho Cao Văn C2 là **có căn cứ**.

- Về các vấn đề khác:

[10] Đối với xe ô tô Kia Morning BKS: 15A-102.93 chủ sở hữu xe là ông Đỗ Đức H (bố đẻ của Đ), ông H không biết và tham gia trộm cắp tài sản cùng với Đỗ Đức Đ, nên cơ quan điều tra không tạm giữ xe ô tô trên là đúng; 01 bộ quần áo và chiếc thẻ giả ra vào công ty sau khi trộm cắp tài sản, Đ đã vất tại khu vực ga cáp treo thuộc xã Đ, huyện C, Cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

[11] Đối với số tiền bán được tài sản trộm cắp, Đ đã ăn tiêu hết, nên cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải không thu hồi được.

[12] Đối với Cao Văn C2 mua 19 quả pin Đỗ Đức Đ, trong đó có 15 quả pin là tài sản của Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V, do Cao Văn C2 không biết là tài sản do người khác phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cát Hải không xử lý là đúng.

[13] Đối với 02 quả pin ký hiệu P1 và A1 bị hại trình báo bị mất trộm, do chưa xác định được đối tượng trộm cắp tài sản và thu hồi được pin nên Cơ quan điều tra Công an huyện Cát Hải tách hồ sơ khi nào làm rõ sẽ thông báo cho bị hại và xử lý sau là có căn cứ.

- Về trách nhiệm dân sự:

[14] Bị hại (Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V) và Cao Văn C2 đã nhận lại tài sản không yêu cầu Đỗ Đức Đ bồi thường; 15 quả pin mua của Đỗ Đức

Đ với giá 3.500.000 đồng/1 quả, C2 không biết là tài sản do Đ phạm tội mà có, C2 và Đ đã tự thỏa thuận nên Cao Văn C2 không yêu cầu Đỗ Đức Đ bồi thường. Việc không yêu cầu và tự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo với bị hại và Cao Văn C2 là tự nguyện, các bên không có khiếu nại và thắc mắc gì, nên Tòa án không xem xét.

- Về án phí:

[15] Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự.

- Về quyền kháng cáo:

[16] Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Đức Đ 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo,

Giao bị cáo Đỗ Đức Đ cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo chấp hành án theo luật định.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Buộc bị cáo Đỗ Đức Đ phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

- Bị hại (Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh V) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Cao Văn C2) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PV 06);
- VKSND huyện Cát Hải;
- Công an huyện Cát Hải;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- UBND xã V, huyện C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Năm